TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2026
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Toàn, ông Trần Ngọc Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2026 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Lâm Đồng đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1991.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Đức N, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn BH, xã BB, tỉnh LĐ

Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:* Chị Đặng Thị T và anh Huỳnh Đức N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2012 tại Ủy ban nhân dân

xã PH, huyện B1, tỉnh BT (nay là xã BB, tỉnh LĐ). Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng sống tại Thôn BH, xã PH, huyện B1, tỉnh Bình Thuận (nay là xã BB, tỉnh LĐ). Hai vợ chồng sống hạnh phúc từ ngày đăng ký kết hôn đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, mâu thuẫn, không thể chia sẻ, trao đổi với nhau trong cuộc sống hằng ngày, bên cạnh đó anh Huỳnh Đức N không thực hiện trách nhiệm kinh tế đối với gia đình, hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm lẫn nhau. Hơn nữa, chị Đặng Thị T và anh Huỳnh Đức N đã tự hoà giải với nhau để cho nhau thêm một cơ hội chung sống hạnh phúc nhưng vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn càng trầm trọng.

Nay chị Đặng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Đức N.

- Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Huỳnh Đức N có 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 04 con chung tên Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012. Chị Đặng Thị T yêu cầu anh Huỳnh Đức N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai trong quá trình tố tụng Bị đơn anh Huỳnh Đức N trình bày:* Anh Huỳnh Đức N và chị Đặng Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện B1, tỉnh BT (nay là xã BB, tỉnh LĐ). Sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng sống tại Thôn BH, xã PH, huyện B1, tỉnh Bình Thuận (nay là xã BB, tỉnh LĐ). Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau một thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn nên anh Huỳnh Đức N mong muốn được đoàn tụ, nếu chị Đặng Thị T cương quyết ly hôn thì anh Huỳnh Đức N không có ý kiến gì, chỉ mong muốn được đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như lời trình bày của chị T, hiện nay 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án chấp

nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T thì anh Huỳnh Đức N đồng ý như ý kiến trình bày của các con, anh mong muốn được giao 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Đặng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Đức N không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã thật sự trầm trọng, anh N và chị T không thương yêu, chăm sóc cho nhau, không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTV14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn. Giao 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Đặng Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu và ý kiến của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Huỳnh Đức N, anh Huỳnh Đức N là

bị đơn, có nơi cư trú tại huyện B1, tỉnh BT (nay là xã BB, tỉnh LĐ) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Huỳnh Đức N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 02/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện B1, tỉnh BT (nay là xã BB, tỉnh LĐ) nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp.

Về việc vắng mặt bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Đặng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Huỳnh Đức N. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, phải có nghĩa vụ chung sống với nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của chị T, anh N không còn hạnh phúc, anh chị không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai, anh chị đã sống ly thân, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã hòa giải, tạo điều kiện để chị T và anh N có thời gian để hàn gắn nhưng sau khi hòa giải các bên vẫn không đưa ra được cách thức, biện pháp nào hữu hiệu để cải thiện mối quan hệ hai vợ chồng thể hiện qua việc chị T, anh N mỗi người sống một nơi, mạnh ai nấy sống nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do điều này chứng tỏ anh N không mong muốn hàn gắn với chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Đức N.

- Về con chung:

+ Chị Đặng Thị T và anh Huỳnh Đức N có 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012. Quá trình giải quyết chị Đặng Thị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012.

+ Theo các bản tự khai trong quá trình tố tụng anh Huỳnh Đức N có nguyện vọng nếu trường hợp Tòa án chấp nhận theo yêu cầu của bà Đặng Thị T thì anh Huỳnh Đức N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Giao 04 con chung tên Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc Hảo, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012 cho bà Đặng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. anh Huỳnh Đức N không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con cho chị Đặng Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với quy định của pháp luật. Anh Huỳnh Đức N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Toà án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đặng Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu ly hôn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Đức N.

2. Về con chung: Giao 04 con chung là Huỳnh Ngọc Nhã U, sinh ngày 18/3/2022; Huỳnh Quốc H, sinh ngày 07/12/2018; Huỳnh Quốc A, sinh ngày 14/7/2016 và Huỳnh Quốc Q, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của anh Huỳnh Đức N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006758 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh LĐ, chị Đặng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Huỳnh Đức N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện KSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng (*Qua Phòng THADS khu vực 13*);
- Đương sự;
- UBND xã BB *(Số ĐKKH 27 ngày 02/02/2012);*
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh